

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày: 18-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Hương;

2. Ông Ma Văn Hán.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hạ Thị Soan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 07/6/2024 về tội “*Sản xuất trái phép chất ma túy*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, đối với bị cáo:

Họ và tên: T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 4 năm 1974 tại: huyện B, tỉnh Cao Bằng; giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Mù chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: Mù chữ; con ông: Ph (Đã chết); con bà: Ph1 (Đã chết); anh, em của bị cáo: bị cáo có 04 (Bốn) anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ: M, sinh năm 1975, nơi cư trú: xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; con: bị cáo có 05 (Năm) con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 45 phút ngày 06/3/2024, tổ công tác Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự tại xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Phát hiện một mảnh vườn có trồng cây, nghi là cây thuốc phiện, qua điều tra xác minh biết được mảnh vườn trên của T sinh năm 1974, trú tại: xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác tiến hành đo kích thước mảnh vườn có tổng diện tích là 24,6 m², tiến hành kiểm tra trong vườn có trồng 23 cây (nghi là cây thuốc phiện) tất cả các cây đều đã ra quả, có tất cả 57 quả trên tổng số 23 cây. Tất cả số quả trên đều đã bị khứa xung quanh, các vết khứa đều đã cũ (nghi vết khứa để chiết xuất lấy nhựa thuốc phiện).

Kiểm tra mảnh vườn phát hiện: Trên mặt đất trong vườn có 01 thanh tre có kích thước dài 13 cm, rộng 0,5 cm, dày 0,2cm, một đầu thanh tre có gắn 03 mảnh kim loại sắc nhọn (nghi sử dụng để khứa vào quả của cây, nghi là cây thuốc phiện trong vườn). Sau khi kiểm tra xong, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản làm việc với chủ vườn có tên gọi T, tiến hành nhổ toàn bộ số cây nghi là cây thuốc phiện trên, niêm phong trong một bao tải dứa màu đỏ. Tổ công tác đưa T cùng với toàn bộ tang vật có liên quan về trụ sở Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của T. Trước khi tiến hành khám xét T đã tự giác giao nộp:

- 01 (Một) ly thủy tinh trong suốt cao 4,5cm đường kính 04cm, bên dưới đáy ly có chứa chất nhựa màu nâu đen (nghi là nhựa thuốc phiện);

- 01 (Một) mảnh tre dài 13,4cm, bản rộng nhất 1,2cm bản hẹp nhất 0,5cm, trên bản rộng của thanh tre có bám nhiều chất nhựa màu nâu đen.

Tiến hành khám xét chỗ ở của T không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Ngày 06/3/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành cân xác định khối lượng. Toàn bộ số chất bột màu đen nghi là nhựa thuốc phiện thu giữ của T khi khám xét có khối lượng 0,59 gam. Cơ quan điều tra đã trích toàn bộ 0,59 gam (nghi là nhựa

cây thuốc phiện) và 05 cây trong tổng số 23 cây (nghỉ là cây thuốc phiện) để gửi giám định.

Tại kết luận giám định số: 196/KL-KTHS ngày 14/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: Mẫu chất nhựa màu nâu đen trong túi niêm phong ký hiệu NS4, mã số 2115021 gửi giám định là thuốc phiện. Bản kết luận giám định số: 1742/KL-KTHS ngày 15/3/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Tìm thấy chất ma túy Morphine, Codeine, Thebaine và các chất Papaverine và Noscapine trong các mẫu cây thực vật gửi giám định (là các chất chính trong cây thuốc phiện).

Tại cơ quan điều tra T khai nhận:

Khoảng đầu năm 2023, T đi rừng thấy một mảnh vườn nhỏ có trồng cây thuốc phiện nhưng không biết là của ai. T lấy 01 quả thuốc phiện đem về phơi khô dùng để làm giống cây. Khoảng tháng 8 năm 2023 (âm lịch), T lấy hạt giống cây thuốc phiện này ươm trồng xuống mảnh vườn trước cửa nhà của mình. Quá trình trồng cây thuốc phiện, T tự vun trồng, chăm sóc đến khi ra hoa, kết quả, đến khoảng tháng 02/2024 (âm lịch) khi cây thuốc phiện đã ra hoa kết quả, T sử dụng một thanh tre một đầu có gắn 03 mảnh kim loại nhỏ để khứa thành nhiều đường theo chiều dọc vào quả thuốc phiện, mục đích để chiết xuất lấy nhựa từ quả cây thuốc phiện. Sau nhiều ngày nhựa từ quả thuốc phiện chảy ra theo các vết khứa, T sử dụng 01 thanh tre nhỏ để thu lấy chất nhựa thuốc phiện rồi cho vào ly thủy tinh. Sau khi thu hoạch xong đem cất giấu số nhựa thuốc phiện này vào buồng ngủ trong nhà của mình để bảo quản. Đến ngày 06/3/2024, Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng phát hiện, phá nhỏ toàn bộ số cây thuốc phiện trên, tiến hành thu giữ toàn bộ số nhựa thuốc phiện T đã thu hoạch được. Toàn bộ số cây thuốc phiện T trồng tại vườn của gia đình được chiết xuất lấy nhựa từ quả thuốc phiện được 03 lần, số nhựa thuốc phiện thu được đều đựng trong ly thủy tinh T đã tự giác giao nộp cho Cơ quan điều tra. Mục đích T trồng cây thuốc phiện là để chiết xuất lấy nhựa thuốc phiện, số nhựa thuốc phiện, dùng để làm thuốc chữa bệnh cho gia súc và pha vào thức ăn cho đàn gia cầm của gia đình. Sau khi chiết xuất lấy nhựa xong sẽ nhổ cây làm thức ăn cho gia súc. Mảnh vườn trước cửa nhà T dùng để trồng cây thuốc phiện là diện tích đất canh tác của gia đình có từ lâu, T là người quản lý mảnh đất này và không có tranh chấp xảy ra. Tuy nhiên, đến nay mảnh đất này vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 198/QĐ-ĐTTH, ngày 27/3/2024, sau đó tiến hành tiêu hủy toàn bộ 17 cây thuốc phiện còn lại thu giữ của T theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng, tài sản bị tạm giữ đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng để đảm bảo việc Thi hành án.

***Tại phiên tòa:**

* Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh, điều luật như Cáo trạng số: 25/CT-VKSBL ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, Điều 248; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy”; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) thanh tre có kích thước dài 13 cm, rộng 0,5cm, dày 0,2 cm, một đầu thanh tre có gắn 03 mảnh kim loại sắc nhọn; 01 (Một) ly thủy tinh trong suốt cao 4,5cm đường kính 04cm, bên dưới đáy ly có chứa chất nhựa màu nâu đen; 01 (Một) thanh tre dài 13,4 cm, bản rộng nhất là 1,2 cm, bản hẹp nhất là 0,5cm, trên bản rộng của thanh tre có bám nhiều chất nhựa màu nâu đen; 01 (Một) đĩa nhỏ bằng sứ màu trắng, chiều cao 02cm, đường kính của đĩa là 10,5cm, mặt trong của đĩa có dính chất nhựa màu nâu đen.

- Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

* Bị cáo T không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo bà Th, trình bày luận cứ bảo vệ: Nhất trí với tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm truy tố đối với bị cáo; đề nghị, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội. Bị cáo T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không được đi học nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là 02 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về xử lý vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật; Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo trình bày, rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Lâm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với Cáo trạng truy tố, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do có nhu cầu lấy nhựa thuốc phiện để chữa bệnh cho gia súc, gia cầm của gia đình nên T đã tự lấy giống và trồng cây thuốc phiện trong vườn của gia đình để chiết xuất lấy nhựa thuốc phiện. Quá trình chăm sóc, thu hoạch T đã chiết xuất được 03 lần, thu được 0,59 gam nhựa thuốc phiện.

Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm. Hành vi trên đã cấu thành tội "*Sản xuất trái phép chất ma túy*" được quy định tại khoản 1, Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

"Điều 248: Tội sản xuất trái phép chất ma túy:

1. Người nào sản xuất trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

....."

Bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSBL, ngày 05/6//2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với bị cáo T về tội “Sản xuất trái phép chất ma túy” có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T từ nhỏ sống phụ thuộc gia đình, được bố mẹ nuôi dưỡng, nhưng không được đi học. Khi trưởng thành xây dựng gia đình, cư trú tại xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng cho đến nay. Tại địa phương bị cáo sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt. Bị cáo không phải người nghiện ma túy, do hiểu biết nhận thức về pháp luật hạn chế, bị cáo đã trồng cây thuốc phiện chiết xuất lấy nhựa, mục đích chữa bệnh cho gia súc, gia cầm của gia đình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi trồng cây thuốc phiện để thu hoạch lấy nhựa thuốc phiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm tuyên truyền giáo dục về tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe con người cho mọi công dân trong xã hội.

- *Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ*: Người phạm tội thành khẩn khai báo (điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự).

- *Tình tiết tăng nặng*: Không có.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo T không có thu nhập ổn định, sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt, mục đích bị cáo trồng cây thuốc phiện để chiết xuất lấy nhựa để chữa bệnh cho gia súc, gia cầm của gia đình và không nhằm mục đích nào khác. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số: 249/GCN-HN.HCN, ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T là có căn cứ.

[5]. Hướng xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 (Một) thanh tre có kích thước dài 13cm, rộng 0,5cm, dày 0,2cm, một đầu thanh tre có gắn 03 mảnh kim loại sắc nhọn; 01 (Một) ly thủy tinh trong suốt cao 4,5cm đường kính 04cm, bên dưới đáy ly có chứa chất nhựa màu nâu đen; 01 (Một) thanh tre dài 13,4cm, bản rộng nhất 1,2cm bản hẹp nhất là

0,5cm, trên bản rộng của mảnh tre có bám nhiều chất nhựa màu nâu đen; 01 (Một) đĩa nhỏ bằng sứ màu trắng, chiều cao 02cm, đường kính của đĩa 10,5cm, mặt trong của đĩa có dính chất nhựa màu nâu đen. Các vật chứng của vụ án có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí:

Xét đơn xin miễn án phí của bị cáo T trình bày: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 áp dụng đối với bị cáo, cho bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

Đối với đề nghị của người bào chữa, xem xét để miễn án phí cho bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8]. Các nhận định khác:

- Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, hướng xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đề nghị của người bào chữa tại phiên toà về tội danh, xử lý vật chứng, án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Đối với đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố, bị cáo T phạm tội "*Sản xuất trái phép chất ma túy*".

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1, Điều 248; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 02 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/3/2024.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 (Một) thanh tre có kích thước dài 13cm, rộng 0,5cm, dày 0,2cm, một đầu thanh tre có gắn 03 mảnh kim loại sắc nhọn;

+ 01 (Một) ly thủy tinh trong suốt cao 4,5cm đường kính 04cm, bên dưới đáy ly có chứa chất nhựa màu nâu đen;

+ 01 (Một) thanh tre dài 13,4cm, bản rộng nhất 1,2cm bản hẹp nhất 0,5cm, trên bản rộng của mảnh tre có bám nhiều chất nhựa màu nâu đen;

+ 01 (Một) đĩa nhỏ bằng sứ màu trắng, chiều cao 02cm, đường kính của đĩa là 10,5cm, mặt trong của đĩa có dính chất nhựa màu nâu đen

(Xác nhận tình trạng vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 38, ngày 06/6/2024).

4. Về án phí:

Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo T được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo (có mặt), có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Bị cáo (T);
- Công an huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Đức Thọ

